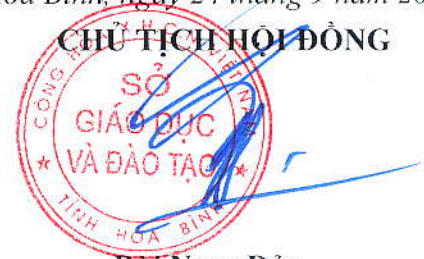


DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	409	Quách Văn	Anh	08/07/1989	Nam	Đa Phúc	Yên Thủy	Nhân viên TBTN THPT	
2	410	Lê Hoàng	Anh	11/09/1987	Nam	Long Sơn	Lương Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
3	411	Nguyễn Hoàng	Anh	20/10/1990	Nam	Đồng Tiến	TP Hòa Bình	Nhân viên TBTN THPT	
4	412	Nguyễn Thúy	Bình	25/10/1991	Nữ	Chiềng Châu	Mai Châu	Nhân viên TBTN THPT	
5	413	Nguyễn Thị Thu	Cúc	21/12/1989	Nữ	Xuất Hóa	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
6	414	Bùi Ngọc	Cường	11/07/1990	Nam	Hạ Bì	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
7	415	Mai Ngọc	Dũng	14/10/1986	Nam	Phương Lâm	TP Hòa Bình	Nhân viên TBTN THPT	
8	416	Nguyễn Đình	Đạt	07/11/1988	Nam	Cao Thắng	Lương Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
9	417	Nguyễn Sơn	Đông	20/11/1990	Nam	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
10	418	Bùi Thị	Hằng	09/02/1991	Nữ	Quy Hậu	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
11	419	Đặng Đình	Hoàn	26/04/1988	Nam	Yên Trị	Yên Thủy	Nhân viên TBTN THPT	
12	420	Bùi Văn	Hoàng	21/07/1991	Nam	Trung Bì	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
13	421	Bùi Văn	Hoạt	12/08/1989	Nam	Vĩnh Đồng	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
14	422	Bùi Thị	Hơn	04/01/1990	Nữ	Tự Do	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
15	423	Phạm Thu	Hương	29/11/1991	Nữ	Thị Trấn	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
16	424	Bùi Văn	Khuân	05/12/1986	Nam	Miền Đồi	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
17	425	Bùi Thị Thu	Loan	18/09/1988	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	Nhân viên TBTN THPT	
18	426	Bùi Thị	Luyến	19/01/1991	Nữ	Đông Phong	Cao Phong	Nhân viên TBTN THPT	
19	427	Bùi Thị	Lụng	02/01/1987	Nữ	Địch Giáo	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
20	428	Trần Thị	Lương	08/08/1986	Nữ	Thành Lập	Lương Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
21	429	Bùi Thị	Mai	19/07/1990	Nữ	Nam Thượng	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
22	430	Bùi Văn	Minh	01/07/1988	Nam	Sơn Thủy	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
23	431	Trần Trọng	Nam	14/02/1986	Nam	Từ Nê	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
24	432	Hoàng Kim	Ngân	04/01/1990	Nữ	Thị Trấn	Lương Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
25	433	Vũ Thị	Ngân	20/08/1988	Nữ	Quy Hậu	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
26	434	Bùi Văn	Nghiệp	06/10/1990	Nam	Liên Vũ	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
27	435	Bùi Thị	Nhung	08/10/1990	Nữ	Hương Nhượng	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
28	436	Nguyễn Thùy	Phương	23/04/1986	Nữ	Thanh Hối	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
29	437	Nguyễn Thị	Phượng	15/02/1990	Nữ	Thị Trấn	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
30	438	Nguyễn Thu	Quyên	13/01/1991	Nữ	Đồng Tâm	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN THPT	
31	439	Bạch Như	Quỳnh	08/08/1990	Nữ	Phương Lâm	TP Hòa Bình	Nhân viên TBTN THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
					Xã	Huyện		
1	440	Hoàng Thị Sen	02/09/1988	Nữ	Thị trấn	Lương Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
2	441	Bùi Văn Sơn	08/11/1990	Nam	Bình Chân	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
3	442	Nguyễn Văn Tới	07/09/1989	Nam	Cao Thắng	Lương Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
4	443	Bùi Văn Tuấn	02/01/1991	Nam	Lạc Lương	Yên Thủy	Nhân viên TBTN THPT	
5	444	Cao Thị Thanh Tuyền	19/08/1990	Nữ	Dân Hòa	Kỳ Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
6	445	Hoàng Quang Thành	20/10/1989	Nam	Trị Quân	Phù Ninh	Nhân viên TBTN THPT	
7	446	Bùi Thị Thành	30/11/1991	Nữ	Trung Hòa	Tân Lạc	Nhân viên TBTN THPT	
8	447	Bùi Thị Thu	05/09/1988	Nữ	Bắc Phong	Cao Phong	Nhân viên TBTN THPT	
9	448	Bùi Thị Thu	14/04/1989	Nữ	Tự Do	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
10	449	Khảm Thị Thúy	21/12/1984	Nữ	Dân Hạ	Kỳ Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
11	450	Vũ Thùy Trang	05/08/1991	Nữ	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN THPT	
12	451	Phạm Thị Huyền Trang	22/12/1990	Nữ	Xuất Hóa	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN THPT	
13	452	Phạm Thị Kiều Trang	20/09/1990	Nữ	Thị trấn	Kim Bôi	Nhân viên TBTN THPT	
14	453	Nguyễn Thành Chung	01/03/1990	Nam	Hạ Bì	Kim Bôi	Nhân viên TBTN DTNT	
15	454	Trương Thị Thu Hà	09/10/1990	Nữ	Phú Lão	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN DTNT	
16	455	Bùi Thị Hòa	01/04/1991	Nữ	Lỗ Sơn	Tân Lạc	Nhân viên TBTN DTNT	
17	456	Phạm Trần Thái Hòa	21/10/1990	Nam	P Tân Thịnh	Tp Hòa Bình	Nhân viên TBTN DTNT	
18	457	Vũ Quang Hòa	06/01/1990	Nam	Tú Sơn	Kim Bôi	Nhân viên TBTN DTNT	
19	458	Vũ Long Hưng	28/01/1989	Nam	Đồng Tâm	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN DTNT	
20	459	Bùi Hoàng Lan	15/09/1990	Nữ	Liên Vũ	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN DTNT	
21	460	Xa Hữu Lương	03/07/1989	Nam	Tu Lý	Đà Bắc	Nhân viên TBTN DTNT	
22	461	Trịnh Trọng Mạnh	27/09/1991	Nam	Phú Thành	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN DTNT	
23	462	Trần Thị Mừng	08/05/1990	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	Nhân viên TBTN DTNT	
24	463	Bùi Thị Ngai	12/10/1988	Nữ	Yên Bồng	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN DTNT	
25	464	Nguyễn Thị Nhung	18/09/1987	Nữ	TT Đà Bắc	Đà Bắc	Nhân viên TBTN DTNT	
26	465	Bùi Thị Như	05/01/1989	Nữ	P Phương Lâm	Tp Hòa Bình	Nhân viên TBTN DTNT	
27	466	Nguyễn Thị Thu Phương	22/10/1990	Nữ	TT Mường Khến	Tân Lạc	Nhân viên TBTN DTNT	
28	467	Lê Kim Phượng	01/01/1984	Nữ	Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	Nhân viên TBTN DTNT	
29	468	Bùi Thị Tuyết	14/05/1989	Nữ	An Bình	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN DTNT	
30	469	Bùi Văn Thái	05/07/1989	Nam	Tân Mỹ	Lạc Sơn	Nhân viên TBTN DTNT	
31	470	Đặng Thị Thu Trang	30/06/1989	Nữ	Hưng Thi	Lạc Thủy	Nhân viên TBTN DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
					Xã	Huyện		
1	471	Nguyễn Văn An	24/05/1975	Nam	Thị Trấn	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	
2	472	Nguyễn Thị Lan Anh	17/08/1988	Nữ	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
3	473	Bùi Văn Bưởi	12/06/1988	Nam	Vĩnh Đồng	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
4	474	Nguyễn Thị Cảnh	19/03/1981	Nữ	Độc Lập	Kỳ Sơn	NV Kế toán THPT	
5	475	Nguyễn Thị Ngọc Chi	14/02/1988	Nữ	Thịnh Lang	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
6	476	Hà Thanh Dung	19/11/1992	Nữ	Hiền Lương	Đà Bắc	NV Kế toán THPT	
7	477	Ngô Việt Dũng	27/12/1982	Nam	Thị Trấn	Mai Châu	NV Kế toán THPT	
8	478	Nguyễn Thị Duyên	25/09/1986	Nữ	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
9	479	Nguyễn Thị Kim Đáng	20/09/1987	Nữ	Thị Trấn	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
10	480	Đinh Thị Đào	16/08/1979	Nữ	Tu Lý	Đà Bắc	NV Kế toán THPT	
11	481	Đoàn Hương Giang	26/01/1982	Nữ	Thu Phong	Cao Phong	NV Kế toán THPT	
12	482	Phan Thị Hà Giang	24/05/1980	Nữ	Thị Trấn	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	
13	483	Trần Thị Thu Hà	16/04/1987	Nữ	Tân Thịnh	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
14	484	Nguyễn Thị Thu Hà	24/03/1990	Nữ	Trung Minh	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
15	485	Đỗ Thu Hà	03/10/1991	Nữ	Phú Lão	Lạc Thủy	NV Kế toán THPT	
16	486	Vũ Thị Hiền	26/08/1990	Nữ	Thị Trấn	Cao Phong	NV Kế toán THPT	
17	487	Lê Thu Hòa	30/10/1987	Nữ	Hạ Bì	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
18	488	Trần Thị Thanh Hoài	11/11/1988	Nữ	Chăm Mát	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
19	489	Quách Hưng Hoàn	28/03/1989	Nam	An Bình	Lạc Thủy	NV Kế toán THPT	
20	490	Tạ Thành Hoàng	16/04/1990	Nam	Thị Trấn	Tân Lạc	NV Kế toán THPT	
21	491	Bùi Thị Hợp	16/06/1989	Nữ	Văn Nghĩa	Lạc Sơn	NV Kế toán THPT	
22	492	Bùi Văn Hùng	01/01/1983	Nam	Suối Nánh	Đà Bắc	NV Kế toán THPT	
23	493	Trần Thị Ngọc Huyền	03/02/1992	Nữ	Phương Lâm	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
24	494	Bùi Hải Hưng	22/10/1990	Nam	Hợp Hòa	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
					Xã	Huyện		
1	495	Bùi Như Khánh	10/05/1984	Nam	Đú Sáng	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
2	496	Hoàng Thị Quỳnh Liên	23/11/1988	Nữ	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
3	497	Phạm Thị Mai Linh	30/12/1991	Nữ	Đồng Tiến	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
4	498	Đặng Thùy Linh	02/07/1991	Nữ	Hợp Thành	Kỳ Sơn	NV Kế toán THPT	
5	499	Đặng Khánh Linh	19/08/1988	Nam	Thị Trấn	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	
6	500	Ngô Ngọc Lương	18/10/1983	Nam	Thái Bình	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
7	501	Bùi Thị Minh	23/05/1989	Nữ	Nhuận Trạch	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	
8	502	Đoàn Hoài Nam	28/04/1990	Nam	Chiềng Châu	Mai Châu	NV Kế toán THPT	
9	503	Hà Thị Thanh Nga	08/05/1991	Nữ	Thị Trấn	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	
10	504	Nguyễn Thị Nga	12/07/1992	Nữ	Tân Thành	Lương Sơn	NV Kế toán THPT	
11	505	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/05/1990	Nữ	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	NV Kế toán THPT	
12	506	Màn Thị Nhường	27/10/1991	Nữ	Thanh Hối	Tân Lạc	NV Kế toán THPT	
13	507	Phùng Thị Oanh	13/09/1990	Nữ	Thị Trấn	Cao Phong	NV Kế toán THPT	
14	508	Bùi Văn Phước	06/06/1988	Nam	Phú Lương	Lạc Sơn	NV Kế toán THPT	
15	509	Phạm Thị Loan Phương	24/03/1982	Nữ	Thị Trấn	Cao Phong	NV Kế toán THPT	
16	510	Bùi Thị Minh Phương	04/09/1991	Nữ	Thị Trấn	Yên Thủy	NV Kế toán THPT	
17	511	Vũ Quang	18/02/1981	Nam	Phú Thành	Lạc Thủy	NV Kế toán THPT	
18	512	Nguyễn Đức Quý	20/08/1984	Nam	Thị Trấn	Yên Thủy	NV Kế toán THPT	
19	513	Phạm Hùng Tiến	17/09/1987	Nam	Thị Trấn	Tân Lạc	NV Kế toán THPT	
20	514	Nguyễn Thanh Toàn	12/10/1987	Nam	Thị Trấn	Yên Thủy	NV Kế toán THPT	
21	515	Vũ Anh Tùng	20/01/1991	Nam	Thị Trấn	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
22	516	Nguyễn Thị Tuyết	08/01/1991	Nữ	Sủ Ngòi	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
23	517	Nguyễn Thị Thanh	24/02/1991	Nữ	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
24	518	Vũ Thị Kim Thành	12/12/1989	Nữ	Phương Lâm	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
					Xã	Huyện		
1	519	Nguyễn Thị Thắng	02/11/1984	Nữ	Thanh Hà	Lạc Thủy	NV Kế toán THPT	
2	520	Phạm Thị Hải Thìn	26/04/1988	Nữ	Phương Lâm	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
3	521	Nguyễn Thị Kim Thoa	04/01/1981	Nữ	Chăm Mát	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
4	522	Lê Thị Thục	04/06/1990	Nữ	Kim Bình	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
5	523	Đỗ Thị Thùy	12/06/1990	Nữ	Thị Trấn	Đà Bắc	NV Kế toán THPT	
6	524	Đinh Thị Thủy	02/11/1987	Nữ	Đồng Tiến	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
7	525	Xa Phương Thúy	14/11/1988	Nữ	Tu Lý	Đà Bắc	NV Kế toán THPT	
8	526	Nghiêm Thị Thúy	01/08/1984	Nữ	Tân Hòa	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
9	527	Nguyễn Thu Trang	27/03/1992	Nữ	Liên Vũ	Lạc Sơn	NV Kế toán THPT	
10	528	Nguyễn Thị Uyên	02/08/1991	Nữ	Dũng Phong	Cao Phong	NV Kế toán THPT	
11	529	Bùi Đức Vượng	21/04/1977	Nam	Chi Nê	Lạc Thủy	NV Kế toán THPT	
12	530	Lê Thị Yên	17/08/1989	Nữ	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	NV Kế toán THPT	
13	531	Phạm Thị Hải Yến	12/09/1989	Nữ	Thị Trấn	Cao Phong	NV Kế toán THPT	
14	532	Bạch Thị Yến	10/11/1991	Nữ	Bắc Sơn	Kim Bôi	NV Kế toán THPT	
15	533	Bùi Thị Bắc	26/04/1987	Nữ	Đông Lai	Tân Lạc	NV Kế toán DTNT	
16	534	Hà Thị Giang	05/06/1989	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	NV Kế toán DTNT	
17	535	Hà Công Hợp	16/12/1983	Nam	Chiềng Châu	Mai Châu	NV Kế toán DTNT	
18	536	Vũ Mạnh Hùng	27/06/1977	Nam	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	NV Kế toán DTNT	
19	537	Phạm Thị Loan	10/09/1988	Nữ	P Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	NV Kế toán DTNT	
20	538	Bùi Thị Phương	03/09/1990	Nữ	Quy Hậu	Tân Lạc	NV Kế toán DTNT	
21	539	Phạm Thị Hương Thảo	17/10/1984	Nữ	P Tân Thịnh	Tp Hòa Bình	NV Kế toán DTNT	
22	540	Hàng Y Thố	24/11/1987	Nữ	Pà Cò	Mai Châu	NV Kế toán DTNT	
23	541	Phạm Hoài Thu	30/08/1990	Nữ	Sử Ngòi	Tp Hòa Bình	NV Kế toán DTNT	
24	542	Nguyễn Thị Thúy	06/08/1988	Nữ	TT Đà Bắc	Đà Bắc	NV Kế toán DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH
Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	543	Hà Thị Ngọc	Ánh	26/07/1989	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	NV Thư viện THPT	
2	544	Bùi Thị	Hải	06/12/1990	Nữ	Địch Giáo	Tân Lạc	NV Thư viện THPT	
3	545	Nguyễn Thúy	Hạnh	13/07/1988	Nữ	Cao Dương	Lương Sơn	NV Thư viện THPT	
4	546	Bùi Thị Thu	Hằng	17/08/1990	Nữ	Hữu Lợi	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
5	547	Lê Thị	Hiền	01/08/1988	Nữ	Thị Trấn	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
6	548	Bùi Thị Thu	Hoài	01/09/1991	Nữ	Nật Sơn	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
7	549	Bùi Tuấn	Huy	12/03/1991	Nam	Bình Sơn	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
8	550	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/10/1988	Nữ	Tân Vinh	Lương Sơn	NV Thư viện THPT	
9	551	Bùi Thị Minh	Khai	08/09/1990	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	NV Thư viện THPT	
10	552	Bùi Văn	Khương	01/12/1988	Nam	Đông Bắc	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
11	553	Sùng Y	Lan	14/04/1989	Nữ	Pà Cò	Mai Châu	NV Thư viện THPT	
12	554	Bùi Thủy	Linh	15/07/1987	Nữ	Thị Trấn	Cao Phong	NV Thư viện THPT	
13	555	Bùi Thị	Lựu	07/02/1990	Nữ	Liên Sơn	Lương Sơn	NV Thư viện THPT	
14	556	Phạm Thị	Mai	05/06/1991	Nữ	Bảo Hiệu	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
15	557	Hà Văn	Mạnh	03/03/1990	Nam	Hào Lý	Đà Bắc	NV Thư viện THPT	
16	558	Bùi Thị	Mơ	05/04/1990	Nữ	Đông Lai	Tân Lạc	NV Thư viện THPT	
17	559	Xa Thị Mỹ	Nam	04/11/1991	Nữ	Tu Lý	Đà Bắc	NV Thư viện THPT	
18	560	Đào Thị Bích	Ngọc	05/01/1980	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
19	561	Bùi Thị	Nhân	16/10/1990	Nữ	Hương Nhượng	Lạc Sơn	NV Thư viện THPT	
20	562	Bùi Thị Tuyết	Nhung	10/10/1990	Nữ	Thượng Cốc	Lạc Sơn	NV Thư viện THPT	
21	563	Bùi Thị	Phượng	13/09/1988	Nữ	Kim Tiến	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
22	564	Bùi Thị	Tiếp	01/10/1989	Nữ	Quý Hòa	Lạc Sơn	NV Thư viện THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	565	Bùi Văn	Tiếp	25/10/1987	Nam	Đông Bắc	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
2	566	Bùi Thị	Tuyên	28/08/1989	Nữ	Quyết Chiến	Tân Lạc	NV Thư viện THPT	
3	567	Nguyễn Thị Kim	Tuyên	01/10/1991	Nữ	Tân Hòa	TP Hòa Bình	NV Thư viện THPT	
4	568	Bùi Thị	Tư	15/11/1987	Nữ	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
5	569	Trần Hồng	Thắm	26/04/1988	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
6	570	Bàn Thị	Thị	19/03/1987	Nữ	Vầy Nưa	Đà Bắc	NV Thư viện THPT	
7	571	Nguyễn Thị	Thiêm	06/12/1990	Nữ	Hợp Thành	Kỳ Sơn	NV Thư viện THPT	
8	572	Bùi Văn	Thọ	18/07/1990	Nam	Đông Lai	Tân Lạc	NV Thư viện THPT	
9	573	Lương Thị	Thuận	26/09/1990	Nữ	Đồng Ruộng	Đà Bắc	NV Thư viện THPT	
10	574	Cao Thanh	Thủy	25/05/1984	Nữ	Phú Thành	Lạc Thủy	NV Thư viện THPT	
11	575	Bùi Thị	Thủy	05/08/1991	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
12	576	Nguyễn Thủy	Trang	22/08/1988	Nữ	Thị Trấn	Tân Lạc	NV Thư viện THPT	
13	577	Nguyễn Thị	Trang	30/11/1991	Nữ	Nam Thượng	Kim Bôi	NV Thư viện THPT	
14	578	Bùi Xuân	Trường	12/03/1991	Nam	Yên Trị	Yên Thủy	NV Thư viện THPT	
15	579	Lê Thị Hải	Yến	12/06/1965	Nữ	Cao Thắng	Lương Sơn	NV Thư viện THPT	
16	580	Đỗ Thị	Yến	26/06/1989	Nữ	Thống Nhất	TP Hòa Bình	NV Thư viện THPT	
17	581	Xa Thị	Yêu	08/07/1991	Nữ	Đồng Ruộng	Đà Bắc	NV Thư viện THPT	
18	582	Phạm Trường	Giang	20/11/1988	Nam	Ngọc Mỹ	Tân Lạc	NV Thư viện DTNT	
19	583	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	18/02/1990	Nữ	Phú Lão	Lạc Thủy	NV Thư viện DTNT	
20	584	Hoàng Thu	Hường	12/12/1987	Nữ	Hợp Hòa	Lương Sơn	NV Thư viện DTNT	
21	585	Nguyễn Thị	Hường	25/05/1990	Nữ	Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	NV Thư viện DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
					Xã	Huyện		
1	586	Nguyễn Lan Hương	10/01/1990	Nữ	Vũ Lâm	Lạc Sơn	NV Giáo vụ THPT	
2	587	Khương Thị Thanh Hương	15/02/1989	Nữ	Hữu Nghị	Hòa Bình	NV Giáo vụ THPT	
3	588	Phạm Thị Nga	07/05/1989	Nữ	Yên Mông	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ THPT	
4	589	Trần Thị Ngân	04/03/1989	Nữ	Cuối Hạ	Kim Bôi	NV Giáo vụ THPT	
5	590	Bùi Minh Quý	30/03/1988	Nữ	Thanh Hối	Tân Lạc	NV Giáo vụ THPT	
6	591	Nguyễn Thị Thanh	19/12/1984	Nữ	Hữu Nghị	Hòa Bình	NV Giáo vụ THPT	
7	592	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/06/1991	Nữ	Cao Thắng	Lương Sơn	NV Giáo vụ THPT	
8	593	Bạch Thị Thảo	20/03/1988	Nữ	Tú Sơn	Kim Bôi	NV Giáo vụ THPT	
9	594	Nguyễn Thị Thoa	03/12/1985	Nữ	TT Lương Sơn	Lương Sơn	NV Giáo vụ THPT	
10	595	Nguyễn Hải Yến	01/09/1990	Nữ	Hiền Lương	Đà Bắc	NV Giáo vụ THPT	
11	596	Bùi Văn Anh	20/05/1990	Nam	Do Nhân	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
12	597	Đinh Đức Tuấn Anh	06/02/1988	Nam	P Phương Lâm	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
13	598	Bùi Tuấn Anh	07/03/1990	Nam	Ngọc Lâu	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
14	599	Trần Thị Hồng ÁNH	13/4/1987	Nữ	Ngọc Lâu	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
15	600	Bùi Thị Bức	12/12/1989	Nữ	Phú Cường	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
16	601	Phạm Minh Cảnh	01/02/1988	Nam	Đồng Lai	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
17	602	Đặng Hồng Cúc	05/05/1988	Nữ	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
18	603	Bùi Đình Chí	12/12/1987	Nam	Kim Tiến	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
19	604	Nguyễn Thị Hồng Chinh	14/11/1991	Nữ	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
20	605	Bùi Thị Diệu	10/12/1990	Nữ	Ngọc Mỹ	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
21	606	Đinh Thi Duân	19/03/1988	Nữ	TT Mường Khén	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
22	607	Đặng Thị Dung	26/04/1990	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
23	608	Đỗ Thị Dung	05/01/1990	Nữ	TT Chi Nê	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
24	609	Bùi Mạnh Duy	12/01/1989	Nam	Liên Vũ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
25	610	Bùi Thị Hồng Duyên	17/08/1989	Nữ	Bình Chân	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
26	611	Bùi Thùy Dương	17/12/1991	Nữ	Lạc Long	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
27	612	Nguyễn Thùy Dương	06/11/1986	Nam	TT Chi Nê	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
28	613	Bùi Văn Dân	20/12/1989	Nam	Sào Báy	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
29	614	Bùi Thị Định	01/02/1987	Nữ	Đú Sáng	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
30	615	Hà Quang Đông	31/10/1985	Nam	Tu Lý	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	616	Trần Việt	Đức	30/05/1984	Nam	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
2	617	Nguyễn Thị Thu	Giang	27/07/1987	Nữ	Phú Lão	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
3	618	Lê Thị	Giang	08/01/1984	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
4	619	Phạm Thị	Hà	08/04/1989	Nữ	Phú Lai	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
5	620	Ngô Thị Ngọc	Hà	10/04/1986	Nữ	TT Mường Khến	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
6	621	Bùi Thị Thu	Hà	10/06/1989	Nữ	Bắc Sơn	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
7	622	Phạm Thu	Hà	21/05/1980	Nữ	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
8	623	Phí Thị Ngọc	Hà	09/11/1988	Nữ	TT Bo	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
9	624	Nhữ Hồng	Hạnh	01/12/1989	Nữ	P Châm Mát	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
10	625	Hoàng Thị	Hạnh	09/01/1989	Nữ	TT Đà Bắc	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
11	626	Lê Thị	Hạnh	28/04/1989	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
12	627	Mai Văn	Hạnh	03/12/1989	Nam	TT Đà Bắc	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
13	628	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	29/06/1990	Nữ	Phúc Tiến	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
14	629	Lê Thị Thanh	Hào	17/7/1990	Nữ	Bình Thanh	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
15	630	Hồ Thu	Hằng	09/02/1986	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
16	631	Bùi Thu	Hằng	20/12/1991	Nữ	Kim Bôi	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
17	632	Nguyễn Thanh	Hằng	05/09/1990	Nữ	Nhân Nghĩa	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
18	633	Nguyễn Thị	Hằng	24/11/1990	Nữ	Cao Thắng	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
19	634	Nguyễn Thị	Hiền	24/7/1988	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
20	635	Trịnh Thị	Hiền	19/05/1988	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
21	636	Bùi Thị	Hiền	25/04/1988	Nữ	Tuân Lộ	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
22	637	Đinh Thị	Hiền	17/12/1992	Nữ	An Bình	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
23	638	Lê Sỹ	Hiệp	09/11/1984	Nam	TT Bo	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
24	639	Bùi Thị	Hiệp	05/10/1987	Nữ	Lạc Hưng	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
25	640	Đinh Trọng	Hiếu	18/04/1989	Nam	Yên Trị	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
26	641	Nguyễn Ngọc	Hoa	23/12/1987	Nữ	TT Đà Bắc	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
27	642	Trịnh Thị Thu	Hoài	10/11/1987	Nữ	Lạc Thịnh	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
28	643	Bùi Ngọc	Hoàng	15/03/1991	Nam	Bảo Hiệu	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
29	644	Bùi Thị Mỹ	Hồng	10/11/1990	Nữ	Trung Bì	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
30	645	Lê Minh	Hồng	25/08/1988	Nữ	P Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	646	Lường Thanh	Huế	28/06/1990	Nữ	Đồng Ruộng	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
2	647	Bùi Thị	Huế	27/03/1988	Nữ	Đồng Tâm	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
3	648	Bùi Văn	Hùng	02/7/1989	Nam	Vĩnh Đồng	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
4	649	Lê Thanh	Huyền	25/09/1988	Nữ	Cố Nghĩa	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
5	650	Đào Thu	Huyền	29/10/1991	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
6	651	Ngô Thị Thanh	Huyền	03/02/1987	Nữ	P Tân Thịnh	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
7	652	Bùi Văn	Hung	09/07/1987	Nam	Tân Mỹ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
8	653	Nguyễn Quang	Hung	17/09/1991	Nam	Liên Vũ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
9	654	Bùi Thị	Hương	01/01/1989	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
10	655	Ngô Thị	Hương	21/12/1988	Nữ	Quy Hậu	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
11	656	Nguyễn Ngọc	Hương	21/11/1986	Nữ	Phương Lâm	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
12	657	Nguyễn Thị	Hương	05/09/1992	Nữ	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
13	658	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/08/1990	Nữ	Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
14	659	Bùi Văn	Kiên	17/9/1985	Nam	Thượng Bi	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
15	660	Bùi Thị	Kiều	20/07/1991	Nữ	Yên Nghiệp	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
16	661	Nguyễn Thị Minh	Khuyên	09/07/1987	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
17	662	Đào Thị	Lan	15/01/1990	Nữ	Tuân Lộ	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
18	663	Hàng Y	Lan	16/01/1988	Nữ	Pà Cò	Mai Châu	NV Giáo vụ DTNT	
19	664	Mai Thị Hà	Lan	09/08/1981	Nữ	Nam Thượng	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
20	665	Bùi Thị	Lãnh	02/01/1987	Nữ	TT Mường Khén	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
21	666	Quách Thị	Lê	01/12/1991	Nữ	Vũ Lâm	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
22	667	Bùi Thị Nhật	Lệ	28/09/1990	Nữ	Sơn Thủy	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
23	668	Bùi Thị	Liên	08/09/1990	Nữ	Yên Nghiệp	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
24	669	Bùi Thị	Linh	13/07/1991	Nữ	Lạc Thịnh	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
25	670	Nguyễn Ngọc	Linh	17/10/1990	Nam	Bắc Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
26	671	Bùi Thị	Loan	05/11/1990	Nữ	Sơn Thủy	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
27	672	Nguyễn Thị	Loan	05/11/1987	Nữ	Lâm Sơn	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
28	673	Nguyễn Thị Thanh	Loan	27/06/1986	Nữ	Dân Hòa	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
29	674	Nguyễn Thị	Loan	16/06/1989	Nữ	P Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
30	675	Bùi Thị Thanh	Loan	22/4/1990	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	676	Bùi Văn	Long	03/07/1990	Nam	Lạc Lương	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
2	677	Bùi Văn	Lượng	08/10/1990	Nam	Vũ Lâm	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
3	678	Nguyễn Thị	Mai	10/04/1988	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
4	679	Nguyễn Ngọc	Mai	17/08/1990	Nữ	TT Chi Nê	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
5	680	Phạm Thị Tuyết	Mai	05/06/1990	Nữ	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
6	681	Nguyễn Thị	Mai	09/06/1991	Nữ	Quy Hậu	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
7	682	Dư Thị Thanh	Mai	14/9/1988	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
8	683	Nguyễn Hoa	Mai	02/01/1990	Nữ	Dân Hạ	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
9	684	Bùi Thị Ngọc	Mai	15/09/1988	Nữ	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
10	685	Trần Thị	Mơ	21/09/1991	Nữ	Tân Hòa	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
11	686	Đinh Huyền	My	26/11/1992	Nữ	Lâm Vũ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
12	687	Nguyễn Thành	Nam	28/10/1989	Nam	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
13	688	Bùi Thị	Năm	02/05/1988	Nữ	Phú Vinh	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
14	689	Bùi Thị	Niêm	20/06/1990	Nữ	Liên Vũ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
15	690	Phùng Thị Thúy	Nga	16/07/1988	Nữ	P Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
16	691	Đinh Thị Thúy	Nga	20/01/1992	Nữ	La Sơn	Bình Lục	NV Giáo vụ DTNT	
17	692	Đặng Thị	Nga	02/02/1989	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
18	693	Nguyễn Thị	Nga	21/08/1983	Nữ	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
19	694	Phạm Thị	Nga	15/9/1990	Nữ	Từ Nê	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
20	695	Đặng Thị	Nga	10/07/1986	Nữ	TT Bo	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
21	696	Bùi Thị	Ngân	09/7/1987	Nữ	Quy Mỹ	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
22	697	Nguyễn Thị	Ngân	25/06/1991	Nữ	Nam Thượng	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
23	698	Bùi Thị Thúy	Ngân	17/02/1986	Nữ	TT Mường Khén	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
24	699	Bạch Như	Ngân	05/09/1987	Nữ	Tú Sơn	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
25	700	Bùi Thị	Nghệ	15/6/1992	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
26	701	Đinh Trọng	Nghĩa	02/07/1989	Nam	Dú Sáng	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
27	702	Đinh Thị	Ngoan	04/08/1987	Nữ	Lâm Sơn	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
28	703	Bùi Thị	Ngọc	14/02/1991	Nữ	Lạc Thịnh	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
29	704	Bùi Thị	Nhân	30/10/1991	Nữ	Kim Sơn	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
30	705	Ngô Thị Thúy	Nhân	22/08/1991	Nữ	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	706	Bùi Thị	Nhâm	26/10/1991	Nữ	Quy Mỹ	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
2	707	Bùi Thị	Nhâm	02/08/1988	Nữ	Do Nhân	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
3	708	Bùi Văn	Nhung	12/12/1990	Nam	Sơn Thủy	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
4	709	Trần Thị Hồng	Nhung	28/12/1989	Nữ	Phú Lương	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
5	710	Bùi Thị	Oanh	26/09/1986	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
6	711	Bùi Thị	Phức	08/03/1991	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
7	712	Bùi Thu	Phương	08/11/1988	Nữ	TT Mường Khén	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
8	713	Bùi Thị Thu	Phương	08/08/1988	Nữ	Kim Bình	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
9	714	Nguyễn Thị	Phương	10/01/1988	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
10	715	Bùi Thị Lan	Phương	02/09/1986	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
11	716	Nguyễn Hoàng	Phương	28/10/1979	Nữ	TT Chi Nê	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
12	717	Bùi Thị	Phượng	27/05/1986	Nữ	Thu Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
13	718	Bùi Văn	Quảng	10/10/1987	Nam	TT Mường Khén	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
14	719	Xa Hồng	Quân	16/12/1986	Nam	TT Đà Bắc	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
15	720	Đinh Hồng	Quân	06/07/1992	Nam	Tu Lý	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
16	721	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	20/10/1990	Nữ	Dân Hạ	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
17	722	Nguyễn Thị	Quỳnh	12/10/1987	Nữ	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
18	723	Bùi Hai	Sáng	05/07/1986	Nam	Tân Mỹ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
19	724	Hoàng Văn	Tám	05/9/1989	Nam	Hợp Hòa	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
20	725	Đinh Thị	Tâm	15/12/1986	Nữ	TT Bo	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
21	726	Bùi Văn	Tiến	15/01/1989	Nam	Tân Mỹ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
22	727	Phùng Thị	Tin	27/08/1989	Nữ	Thống Nhất	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
23	728	Bạch Công	Tín	09/06/1989	Nam	Thanh Lương	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
24	729	Triệu Thị	Tình	26/01/1990	Nữ	Tú Sơn	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
25	730	Quách Thế	Toàn	18/10/1989	Nam	An Lạc	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
26	731	Bùi Thanh	Tùng	23/02/1989	Nam	Tân Mỹ	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
27	732	Nông Thị	Tuyên	23/11/1988	Nữ	Bình Chân	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
28	733	Phạm Kim	Tuyến	21/01/1986	Nữ	An Bình	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
29	734	Bùi Thị	Tường	05/06/1990	Nữ	Đa Phúc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
30	735	Mai Ngọc	Thái	04/02/1990	Nam	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đào

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	736	Nguyễn Thị	Thành	15/04/1987	Nữ	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
2	737	Bùi Văn	Thành	05/10/1990	Nam	Nhân Nghĩa	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
3	738	Lê Thị Phương	Thảo	18/10/1989	Nữ	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
4	739	Nguyễn Thúy	Thâu	21/07/1983	Nữ	Hòa Sơn	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
5	740	Bùi Thị	Thỏa	08/12/1987	Nữ	Phú Lai	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
6	741	Đinh Thị Hải	Thu	06/09/1991	Nữ	An Lạc	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
7	742	Đinh Thị Hoài	Thu	20/11/1988	Nữ	Tu Lý	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
8	743	Vũ Thị	Thu	08/11/1990	Nữ	TT Chi Nê	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
9	744	Bùi Thị	Thu	28/09/1988	Nữ	Địch Giáo	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
10	745	Trương Thị Tài	Thu	12/09/1989	Nữ	TT Mường Khén	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
11	746	Quách Văn	Thuận	29/06/1989	Nam	Từ Nê	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
12	747	Triệu Thị	Thùy	17/10/1989	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
13	748	Lê Thị Thanh	Thủy	27/08/1991	Nữ	Tu Lý	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
14	749	Lục Thị	Thủy	05/09/1989	Nữ	Đồng Tâm	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
15	750	Lương Thanh	Thủy	01/06/1987	Nữ	Từ Nê	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
16	751	Nguyễn Thu	Thủy	08/02/1992	Nữ	Dân Chủ	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
17	752	Nguyễn Phương	Thủy	28/11/1989	Nữ	Lâm Sơn	Lương Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
18	753	Bùi Hạ	Thương	13/05/1990	Nữ	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
19	754	Nguyễn Hải	Trang	27/05/1986	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
20	755	Bùi Thị	Trang	01/02/1988	Nữ	Định Cư	Lạc Sơn	NV Giáo vụ DTNT	
21	756	Nguyễn Thu	Trang	16/10/1990	Nữ	Thịnh Lang	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
22	757	Trần Thị Thu	Trang	20/02/1988	Nữ	Phú Thành	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
23	758	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/11/1987	Nữ	Phú Thành	Lạc Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
24	759	Nguyễn Thị	Trang	15/07/1988	Nữ	Hợp Kim	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	
25	760	Nguyễn Thị	Trang	12/05/1986	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	NV Giáo vụ DTNT	
26	761	Bùi Thị	Vân	15/6/1988	Nữ	Đa Phúc	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
27	762	Nguyễn Thị	Vân	18/06/1987	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	NV Giáo vụ DTNT	
28	763	Ngô Minh	Vương	05/12/1985	Nam	P Tân Hòa	Tp Hòa Bình	NV Giáo vụ DTNT	
29	764	Trần Thị	Xuân	01/04/1984	Nữ	Quy Hậu	Tân Lạc	NV Giáo vụ DTNT	
30	765	Bùi Thị	Yến	27/09/1991	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	NV Giáo vụ DTNT	
31	766	Quách Thị	Yến	08/06/1989	Nữ	TT Bo	Kim Bôi	NV Giáo vụ DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	767	Nguyễn Hoàng	Dương	17/8/1987	Nam	Cố Nghĩa	Lạc Thủy	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
2	768	Bùi Thị	Giang	09/01/1990	Nữ	Mường Tuồng	Đà Bắc	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
3	769	Đinh Thị	Hảo	02/01/1985	Nữ	Liên Vũ	Lạc Sơn	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
4	770	Đặng Thúy	Hằng	29/10/1985	Nữ	TT Lương Sơn	Lương Sơn	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
5	771	Trần Thị Thu	Hiền	01/01/1985	Nữ	Vũ Lâm	Lạc Sơn	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
6	772	Bùi Văn	Huỳnh	22/02/1986	Nam	Dũng Phong	Cao Phong	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
7	773	Đinh Thị Ngọc	Hương	08/11/1989	Nữ	Cố Nghĩa	Lạc Thủy	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
8	774	Sùng Y	Lan	10/5/1983	Nữ	Pà Cò	Mai Châu	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
9	775	Bùi Thị Mỹ	Linh	28/5/1985	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
10	776	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24/10/1982	Nữ	Liên Vũ	Lạc Sơn	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
11	777	Bùi Văn	Mạnh	13/9/1986	Nam	Mị Hòa	Kim Bôi	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
12	778	Phạm Hùng	Mạnh	22/10/1986	Nam	TT Chi Nê	Lạc Thủy	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
13	779	Lê Chí	Mẫn	30/8/1984	Nam	Thu Phong	Cao Phong	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
14	780	Nguyễn Văn	Nam	10/5/1985	Nam	TT Đà Bắc	Đà Bắc	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
15	781	Nguyễn Văn	Quang	10/10/1991	Nam	TT Đà Bắc	Đà Bắc	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
16	782	Bùi Văn	Sự	9/10/1989	Nam	Nuông Dăm	Kim Bôi	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
17	783	Ngô Thị	Tâm	10/9/1988	Nữ	Yên Quang	Kỳ Sơn	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
18	784	Lê Anh	Tuấn	19/5/1986	Nam	TT Mai Châu	Mai Châu	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
19	785	Bùi Thị	Thanh	29/5/1990	Nữ	Thượng Cốc	Lạc Sơn	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
20	786	Cần Văn	Thành	03/4/1985	Nam	TT Đà Bắc	Đà Bắc	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
21	787	Phạm Đức	Thắng	02/11/1986	Nam	TT Bo	Kim Bôi	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	
22	788	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/10/1989	Nữ	Phú Thành	Lạc Thủy	Kỹ thuật viên CNTT DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	789	Vũ Mạnh	Hùng	04/02/1991	Nam	Từ Nê	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
2	790	Hà Tuấn	Anh	04/11/1988	Nam	Cố Nghĩa	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
3	791	Đinh Thị Vân	Anh	15/08/1991	Nữ	Độc Lập	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
4	792	Bùi Thị	ánh	21/05/1991	Nữ	Tú Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
5	793	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	26/04/1987	Nữ	Dân Chủ	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
6	794	Bùi Ngọc	Ban	21/10/1992	Nữ	Kim Tiến	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
7	795	Bùi Đức	Cảnh	20/10/1986	Nam	Tuân Lộ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
8	796	Bùi Thị Kim	Cúc	21/06/1992	Nữ	Nhân Nghĩa	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
9	797	Bùi Văn	Cương	19/08/1989	Nam	Ân Nghĩa	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
10	798	Đinh Công	Châu	24/06/1987	Nam	Phú Vinh	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
11	799	Bùi Văn	Diện	03/06/1990	Nam	Phú Lai	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
12	800	Bùi Thị	Dìn	02/07/1985	Nữ	Phú Cường	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
13	801	Triệu Thị	Dung	05/02/1988	Nữ	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
14	802	Xa Hải	Duyên	05/10/1989	Nam	Mường Chiềng	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
15	803	Vũ Văn	Dương	29/12/1986	Nam	Lạc Long	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
16	804	Bùi Thị Thùy	Dương	29/06/1990	Nữ	Thanh Nông	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
17	805	Bùi Văn	Đại	16/08/1988	Nam	Tuân Lộ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
18	806	Bùi Thị	Đào	10/02/1988	Nữ	Đú Sáng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
19	807	Quách Văn	Đạt	10/08/1992	Nam	Hữu Lợi	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
20	808	Bùi Hồng	Đạt	25/03/1990	Nam	An Bình	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
21	809	Bùi Văn	Đinh	15/12/1992	Nam	Lạc Sỹ	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
22	810	Bùi Văn	Ghế	07/08/1990	Nam	Lỗ Sơn	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
23	811	Lý Thị	Hà	30/12/1991	Nữ	Hiền Lương	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
24	812	Trịnh Thu	Hà	29/08/1992	Nữ	Đồng Tâm	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
25	813	Bùi Thị	Hà	20/07/1990	Nữ	Lạc Lương	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
26	814	Nguyễn Thị	Hải	17/04/1987	Nữ	Dân Hạ	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
27	815	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	28/02/1992	Nữ	Đồng Tiến	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH
Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	816	Đặng Thị Kim	Hạnh	19/05/1991	Nữ	Nam Thượng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
2	817	Bùi Thị	Hằng	23/09/1992	Nữ	Đông Bắc	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
3	818	Nguyễn Giang	Hằng	14/02/1992	Nữ	Yên Lạc	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
4	819	Bùi Thị	Hè	16/05/1989	Nữ	Kim Truy	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
5	820	Bùi Thị	Hiên	01/09/1991	Nữ	Thượng Bì	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
6	821	Đinh Thị Thanh	Hiên	27/06/1992	Nữ	TT Hàng Trạm	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
7	822	Nguyễn Thị	Hiên	30/12/1989	Nữ	Hợp Châu	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
8	823	Ngô Thị	Hiên	24/09/1986	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
9	824	Trần Thị	Hiên	27/01/1993	Nữ	Ngọc Mỹ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
10	825	Nguyễn Thị	Hiên	16/05/1991	Nữ	Mường Khến	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
11	826	Bùi Thị	Hiên	02/08/1987	Nữ	Yên Nghiệp	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
12	827	Quách Thị	Hiên	18/06/1985	Nữ	Cuối Hạ	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
13	828	Bùi Văn	Hiệu	25/11/1987	Nam	Địch Giáo	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
14	829	Bùi Thị	Hoa	20/12/1991	Nữ	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
15	830	Đặng Quỳnh	Hoa	24/07/1991	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
16	831	Tạ Thị Thu	Hòa	19/08/1992	Nữ	TT Mai Châu	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
17	832	Bùi Đăng	Hòa	11/08/1990	Nam	Nam Phong	Cao Phong	Y tế học đường THPT	
18	833	Bùi Thị	Hoài	22/06/1992	Nữ	Nật Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
19	834	Lường Thị Thu	Hoài	08/12/1991	Nữ	TT Mai Châu	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
20	835	Bùi Thị	Hoan	08/09/1992	Nữ	Bình Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
21	836	Bùi Thị	Hoàn	15/01/1991	Nữ	Hạ Bì	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
22	837	Bùi Văn	Học	21/12/1987	Nam	Quy Mỹ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
23	838	Quách Hưng	Hội	28/12/1991	Nam	An Bình	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
24	839	Nguyễn Đức	Hợp	27/03/1988	Nam	TT Lương Sơn	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
25	840	Nguyễn Thị Thanh	Huế	10/05/1991	Nữ	Ân Nghĩa	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
26	841	Bùi Thị	Huệ	06/08/1981	Nữ	Đồng Tiến	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
27	842	Trần Việt	Hùng	13/12/1990	Nam	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	843	Trần Mạnh	Hùng	19/05/1990	Nam	Yên Lạc	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
2	844	Xa Văn	Huy	31/03/1987	Nam	Mường Tuồng	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
3	845	Đinh Thị Lan	Huyền	24/10/1989	Nữ	Tuân Lộ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
4	846	Hà Văn	Huyền	01/01/1989	Nam	Nam Sơn	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
5	847	Phan Thị Thu	Huyền	02/04/1987	Nữ	Kim Bình	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
6	848	Bùi Thị	Huyền	19/04/1988	Nữ	Hợp Kim	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
7	849	Hà Văn	Huyền	07/03/1987	Nam	Nam Sơn	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
8	850	Xa Thị	Huỳnh	09/06/1983	Nữ	Tú Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
9	851	Bùi Văn	Hưng	30/06/1988	Nam	Kim Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
10	852	Quách Tất	Hưng	26/01/1991	Nam	Lạc Lương	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
11	853	Phan Thị Thu	Hương	06/11/1986	Nữ	Tân Thịnh	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
12	854	Lê Thị	Hương	22/04/1992	Nữ	Ngọc Lương	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
13	855	Đỗ Thị Minh	Hường	10/03/1980	Nữ	Liên Sơn	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
14	856	Bùi Thị Thúy	Hường	11/12/1992	Nữ	Liên Vũ	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
15	857	Triệu Phúc	Kiên	12/8/1991	Nam	Toàn Sơn	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
16	858	Bùi Văn	Khoa	03/02/1989	Nam	Lạc Sỹ	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
17	859	Bùi Văn	Khứ	10/05/1991	Nam	Ân Nghĩa	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
18	860	Vũ Thị	Lan	09/12/1991	Nữ	Tây Phong	Cao Phong	Y tế học đường THPT	
19	861	Hà Thị	Lành	03/11/1988	Nữ	Mường Chiềng	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
20	862	Lò Văn	Lâm	10/09/1988	Nam	Đồng Ruộng	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
21	863	Triệu Hải	Lập	07/08/1993	Nữ	Toàn Sơn	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
22	864	Mai Thị Hoa	Lê	11/09/1992	Nữ	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
23	865	Nguyễn Thanh	Liêm	19/10/1987	Nam	Phú Minh	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
24	866	Nguyễn Thị Hồng	Linh	02/09/1990	Nữ	Thịnh Lang	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
25	867	Nguyễn Mạnh	Linh	24/06/1986	Nam	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
26	868	Hà Thị	Loan	24/12/1991	Nữ	Tân Sơn	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
27	869	Bùi Văn	Lực	27/10/1989	Nam	Đông Lai	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
28	870	Bùi Thị	Lưu	07/08/1991	Nữ	Kim Truy	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	871	Nguyễn Duy	Lưu	16/05/1985	Nam	Lạc Long	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
2	872	Trần Thị Thanh	Mai	12/05/1992	Nữ	Yên Bồng	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
3	873	Bùi Thị Tuyết	Mai	28/10/1991	Nữ	Trung Bì	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
4	874	Bùi Thị Bình	Mai	14/06/1989	Nữ	Vĩnh Đồng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
5	875	Trần Thị	Mai	17/05/1988	Nữ	Đông Bắc	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
6	876	Lương Thị Thanh	Mai	11/09/1990	Nữ	Trung Thành	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
7	877	Nguyễn Tiến	Mạnh	13/01/1990	Nam	An Bình	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
8	878	Trịnh Thị	Minh	24/12/1985	Nữ	Mỹ Hòa	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
9	879	Bùi Giang	Nga	28/09/1990	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
10	880	Bùi Thị	Ngà	02/04/1987	Nữ	Quy Mỹ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
11	881	Lò Thị	Ngát	03/01/1992	Nữ	Nà Phòn	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
12	882	Bùi Thị	Ngát	03/10/1987	Nữ	Yên Nghiệp	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
13	883	Khuất Thị	Ngân	21/03/1992	Nữ	Ngọc Lương	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
14	884	Trần Thanh	Ngân	13/06/1992	Nữ	Hương Nhượng	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
15	885	Cần Thị	Ngân	10/08/1989	Nữ	Ngọc Lương	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
16	886	Đinh Thị Thanh	Ngân	01/02/1992	Nữ	Yên Quang	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
17	887	Bùi Thị	Nghị	30/05/1991	Nữ	Đông Lai	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
18	888	Bùi Văn	Nghĩa	18/12/1986	Nam	Phong Phú	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
19	889	Nguyễn Thị	Nghiêm	12/12/1992	Nữ	Kỳ Sơn	Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
20	890	Hà Thị	Ngoan	24/05/1991	Nữ	Piềng Vẽ	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
21	891	Bùi Văn	Nguyễn	16/10/1982	Nam	Phú Lai	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
22	892	Bùi Thị	Nguyệt	03/10/1991	Nữ	Lạc Lương	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
23	893	Trần Thị Thanh	Nhàn	04/08/1992	Nữ	Vụ Bản	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
24	894	Bùi Văn	Nhất	01/07/1990	Nam	Đa Phúc	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
25	895	Bùi Thị	Nhuận	01/11/1985	Nữ	Thượng Bì	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
26	896	Bùi Thị Huyền	Nhung	22/01/1989	Nữ	Bắc Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
27	897	Thiệu Thị	Nhung	10/02/1990	Nữ	An Lạc	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	898	Phạm Thị Trang	Nhung	21/04/1991	Nữ	Trung Minh	Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
2	899	Quách Thị Cẩm	Nhung	26/09/1991	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
3	900	Trần Thị Kim	Oanh	25/09/1991	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	Y tế học đường THPT	
4	901	Bùi Thị	Phiến	29/07/1990	Nữ	Phú Lương	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
5	902	Chu Thị	Phượng	04/02/1991	Nữ	Hợp Thanh	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
6	903	Nguyễn Thị	Phượng	05/10/1992	Nữ	Phú lão	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
7	904	Đinh Thị	Phượng	18/01/1992	Nữ	Phong Phú	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
8	905	Quách Thị	Phượng	04/09/1990	Nữ	Nam Thượng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
9	906	Nguyễn Quyết	Quế	07/11/1988	Nam	Tu Lý	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
10	907	Bùi Thị	Quyên	09/09/1980	Nữ	Đú Sáng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
11	908	Bùi Tiến	Quỳnh	09/11/1989	Nam	Nuông Dăm	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
12	909	Bùi Thế	Sang	05/05/1991	Nam	Kim Tiến	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
13	910	Bạch Thị	Son	14/03/1991	Nữ	Hùng Tiến	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
14	911	Nguyễn Thái	Son	20/08/1991	Nam	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
15	912	Bùi Quốc	Sử	29/05/1986	Nam	Bắc Sơn	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
16	913	Bùi Thị	Tâm	10/10/1992	Nữ	Vĩnh Đồng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
17	914	Triệu Duyên	Tiền	18/06/1992	Nam	Toàn Sơn	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
18	915	Bùi Thị	Tĩnh	01/05/1988	Nữ	Vũ Lâm	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
19	916	Trần Thị	Tĩnh	17/03/1992	Nữ	Long Sơn	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
20	917	Bùi Thanh	Tuyền	18/01/1989	Nam	Yên Trị	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
21	918	Quách Thị	Tuyết	18/12/1992	Nữ	Bảo Hiệu	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
22	919	Quách Thị	Tươi	14/03/1992	Nữ	Cuối Hạ	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
23	920	Đinh Thị	Tươi	26/09/1989	Nữ	Hợp Thành	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
24	921	Nguyễn Thị	Thà	04/05/1990	Nữ	TT Lương Sơn	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
25	922	Bạch Thị	Thái	23/05/1992	Nữ	Đú Sáng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
26	923	Nguyễn Văn	Thái	14/03/1992	Nam	Hiền Lương	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
27	924	Nguyễn Thị	Thanh	30/08/1986	Nữ	Dân Hạ	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH
Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	925	Bùi Văn	Thành	10/08/1991	Nam	Lỗ Sơn	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
2	926	Hoàng Thị	Thảo	29/09/1989	Nữ	Yên Trị	Yên Thủy	Y tế học đường THPT	
3	927	Quách Tuyên	Thảo	02/11/1991	Nữ	Hạ Bì	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
4	928	Nguyễn Hương	Thảo	30/08/1991	Nữ	Phú Lão	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
5	929	Bùi Phương	Thảo	12/03/1991	Nữ	Hợp Kim	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
6	930	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/06/1987	Nữ	Yên Mông	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
7	931	Nguyễn Thị	Thảo	27/02/1990	Nữ	Mông Hóa	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
8	932	Đỗ Thị	Thắm	14/3/1984	Nữ	Ngọc Mỹ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
9	933	Bùi Thị Hồng	Thắm	15/12/1990	Nữ	Yên Phú	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
10	934	Trần Văn	Thắng	16/12/1990	Nam	Hợp Tiến	Mỹ Đức	Y tế học đường THPT	
11	935	Đặng Đình	Thắng	20/09/1989	Nam	TT Đà Bắc	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
12	936	Bùi Văn	Thắng	11/01/1981	Nam	Mường Tuồng	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
13	937	Quách Thị	Thêm	31/10/1991	Nữ	Hạ Bì	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
14	938	Lê Đức	Thọ	18/03/1992	Nam	TT Mai Châu	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
15	939	Bùi Hữu	Thọ	11/05/1986	Nam	Sào Báy	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
16	940	Bùi Thị	Thơ	07/10/1985	Nữ	Vĩnh Đồng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
17	941	Bùi Thị	Thơ	25/08/1987	Nữ	Tân Phong	Cao Phong	Y tế học đường THPT	
18	942	Bùi Thị Hồng	Thu	13/04/1990	Nữ	Hợp Kim	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
19	943	Đoàn Minh	Thuận	11/06/1989	Nam	Phú Thành	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
20	944	Bùi Thanh	Thùy	19/08/1989	Nữ	Thanh Lương	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
21	945	Nguyễn Thị Bích	Thủy	13/08/1992	Nữ	Cao Thắng	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
22	946	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/05/1992	Nữ	Yên Bồng	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
23	947	Nguyễn Thị Thu	Thủy	23/09/1992	Nữ	Sử Ngòi	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
24	948	Bùi Thị	Thúy	21/03/1991	Nữ	Tân Lập	Lạc Sơn	Y tế học đường THPT	
25	949	Hoàng Thị	Thúy	07/07/1990	Nữ	Liên Sơn	Lương Sơn	Y tế học đường THPT	
26	950	Lò Thị	Thúy	09/06/1992	Nữ	Nà Phòn	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
27	951	Nguyễn Thị	Thúy	01/01/1986	Nữ	Trung Minh	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH
Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu		Ngành đăng ký	Ghi chú
						Xã	Huyện		
1	952	Chu Minh	Thúy	08/12/1986	Nữ	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
2	953	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	04/07/1992	Nữ	Yên Quang	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
3	954	Nguyễn Thị	Thường	20/06/1989	Nữ	Tuân Lộ	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
4	955	Hoàng Thị Huyền	Trang	06/06/1991	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	Y tế học đường THPT	
5	956	Nguyễn Thị	Trang	15/07/1990	Nữ	Tòng Đậu	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
6	957	Nguyễn Như	Trang	23/06/1992	Nữ	Thái Bình	Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
7	958	Nguyễn Duy	Trung	01/11/1991	Nam	Nam Thượng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
8	959	Đinh Thị	Trực	05/08/1987	Nữ	Đồng Ruộng	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
9	960	Lê Hùng	Trường	01/04/1986	Nam	Phương Lâm	Tp Hòa Bình	Y tế học đường THPT	
10	961	Bùi Văn	Trường	24/09/1991	Nam	Địch Giáo	Tân Lạc	Y tế học đường THPT	
11	962	Phạm Xuân	Trường	14/09/1988	Nam	Tu Lý	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
12	963	Đỗ Văn	Trường	27/09/1988	Nam	Đồng Tâm	Lạc Thủy	Y tế học đường THPT	
13	964	Đinh Thị Mai	Vân	18/09/1991	Nữ	Dân Hạ	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
14	965	Đinh Thị	Vân	27/10/1987	Nữ	Tân Minh	Đà Bắc	Y tế học đường THPT	
15	966	Nguyễn Thu	Vân	19/04/1992	Nữ	Mông Hóa	Kỳ Sơn	Y tế học đường THPT	
16	967	Hà Văn	Ý	09/08/1989	Nam	Nà Phòn	Mai Châu	Y tế học đường THPT	
17	968	Bùi Thị Thanh	Yên	28/10/1990	Nữ	Dũng Phong	Cao Phong	Y tế học đường THPT	
18	969	Bùi Thị	Yến	17/09/1992	Nữ	Lập Chiêng	Kim Bôi	Y tế học đường THPT	
19	970	Quách Song	Anh	08/07/1991	Nam	TT Chi Nê	Lạc Thủy	Y tế học đường DTNT	
20	971	Bùi Văn	Bằng	18/05/1987	Nam	Kim Tiến	Kim Bôi	Y tế học đường DTNT	
21	972	Hà Thị	Duyên	12/01/1990	Nữ	TT Chi Nê	Lạc Thủy	Y tế học đường DTNT	
22	973	Bùi Thị	Hoa	10/05/1984	Nữ	TT Cao Phong	Cao Phong	Y tế học đường DTNT	
23	974	Chu Thanh	Phương	15/09/1993	Nữ	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	Y tế học đường DTNT	
24	975	Bùi Thị	Quyên	11/11/1977	Nữ	Lỗ Sơn	Tân Lạc	Y tế học đường DTNT	
25	976	Đinh Công	Sân	17/11/1989	Nam	Phú Vinh	Tân Lạc	Y tế học đường DTNT	
26	977	Nguyễn Văn	Sơn	28/01/1986	Nam	Hạ Bi	Kim Bôi	Y tế học đường DTNT	
27	978	Xa Thị	Tuyết	13/12/1992	Nữ	P Hữu Nghị	Tp Hòa Bình	Y tế học đường DTNT	
28	979	Phạm Ngọc	Thành	13/10/93	Nam	Trung Minh	Tp Hòa Bình	Y tế học đường DTNT	

Hòa Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo